CÔNG TY CP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG & IN BƯU ĐIỆN

----------&----------

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Hà Nội, tháng 04 năm 2010

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Các định nghĩa 4
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG 5
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty 5
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG 6
Điều 3: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty 6
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động 7
CHƯƠNG IV: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY 7
Điều 5: Quyền hạn của Công ty 8
Điều 6: Nghĩa vụ của Công ty 9
CHƯƠNG V: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU 10
Điều 7: Vốn 10
Điều 8: Cổ phần 11
Điều 9: Cổ phiếu 11
Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông 12
Điều 11: Chào bán cổ phần 12
Điều 12: Chuyển nhượng cổ phần 13
Điều 13: Thừa kế cổ phần 13
Điều 14: Mua lại cổ phần 14
Điều 15: Thu hồi cổ phần 15
CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT 15
Điều 16: Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty 15
Điều 17: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty 16
Điều 18: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác 16
CHƯƠNG VII: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 16
Điều 19: Quy định chung về cổ đông 16
Điều 20: Quyền của cổ đông 17
Điều 21. Nghĩa vụ của các cổ đông 18
Điều 22: Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 23: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 24: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 25: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 26: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 26

CHƯƠNG VIII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 26
Điều 28: Tổ chức Hội đồng quản trị 26
Điều 29: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị 26
Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Hội đồng quản trị 27
Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị..... 30
Điều 32: Hoạt động của Hội đồng quản trị 31
Điều 33: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 32
CHƯƠNG IX : TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY 33
Điều 34: Tổng giám đốc 33
Điều 35: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc 34
Điều 36: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 34
Điều 37: Uỷ quyền, uỷ nhiệm 35
Điều 38: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm 36
Điều 39: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 36
Điều 40: Người quản lý..... 37
CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT 38
Điều 41: Tổ chức Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát 38
Điều 42: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Ban kiểm soát 38
Điều 43: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Ban kiểm soát 39
Điều 44: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát..... 41
CHƯƠNG XI: NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY 41
Điều 45: Quyền lợi của người lao động trong Công ty 41
CHƯƠNG XII: HOẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ..... 41
Điều 46: Hạch toán..... 41
Điều 47: Báo cáo tài chính 41
Điều 48: Kiểm toán 42
Điều 49: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ 42
Điều 50: Cổ tức..... 43
Điều 51: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ 43
CHƯƠNG XIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ..... 44
Điều 52: Chấm dứt hoạt động 44
Điều 53: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông 44
Điều 54: Thanh lý 44

Điều 55: Tố tụng, tranh chấp 45
CHƯƠNG XIV: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....45
Điều 56: Con dấu 45
Điều 57: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ..... 45
Điều 58: Hiệu lực thi hành 46

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VÀ IN BƯU ĐIỆN

Điều lệ tổ chức và hoạt động này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG VÀ IN BƯU ĐIỆN (dưới đây gọi là "***Công ty***"). Công ty là một công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và Quyết định số 36/2004/QĐ-BBCVT ngày 31 tháng 8 năm 2004 của Bộ Bưu chính Viễn thông về việc chuyển Công ty In Bưu Điện thành Công ty cổ phần In Bưu điện và Quyết định 39/QĐ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 03 năm 2007 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP In Bưu Điện về việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Dịch vụ viễn thông và In Bưu Điện cùng các quy định của pháp luật có liên quan khác, nên Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trừ các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

a. **"Hội đồng"** có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty.

b. **"Địa bàn kinh doanh"** có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

c. **"Vốn điều lệ"** có nghĩa là vốn do tất cả cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

d. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm.

e. **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

g. **"Pháp luật"** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12/11/1996 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.

h. **"Người quản lý"** có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng , Trưởng phó phòng trong Công ty và Giám đốc, Phó giám đốc các đơn vị trực thuộc, Chi nhánh, Văn phòng.

i. **"Những người liên quan"** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

j. **"Cổ đông"** là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

k. **"Tổ chức lại doanh nghiệp"** là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi doanh nghiệp.

l. **"Việt Nam"** có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;

m. **"Thời hạn"** có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại khoản 7 Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

n. **"Vốn có quyền biểu quyết"** là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được Đại hội đồng cổ đông quyết định;

o. **"Cổ tức"** là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu điện

   Tên Công ty bằng tiếng Anh:

   POST PRINTING AND TELECOMMUNICATION SERVICES JOINT STOCK COMPANY

   Tên viết tắt: **PTP.,JSC**

   Hình thức: Công ty cổ phần

   Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

   Công ty có 05 cổ đông sáng lập. Danh sách cổ đông sáng lập được ghi chi tiết tại Phụ lục 01 của bản Điều lệ.

2. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ : Số 564 Đường Nguyễn Văn Cừ –Long Biên – Hà Nội
- Điện thoại : 04 - 38771433
- Fax : 04 – 38770975

3. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Chi nhánh Miền Trung; Chi Nhánh Miền Bắc; Chi nhánh Bắc Trung Bộ; Chi nhánh PTP Thăng Long.
4. Tư cách pháp nhân của Công ty

a. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

d. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;

e. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;

f. Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty;
6. Công ty được thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép;
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn tính từ ngày thành lập.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 3: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu:

a. Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hoá các nguồn lợi nhuận có thể có được của Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông;

b. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty;

c. Đóng góp cho ngân sách nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

a. In các loại ấn phẩm, sách, báo, tạp chí, tem nhãn, bao bì, danh bạ điện thoại, danh bạ bưu cục phục vụ chuyên ngành bưu chính viễn thông và các ngành khác theo quy định của pháp luật;

b. Sản xuất các loại thẻ dịch vụ viễn thông, thẻ thông minh; sản xuất các loại vật liệu, bao bì phục vụ khai thác bưu chính, viễn thông và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật;

c. Tạo mẫu, chế bản và tách mẫu điện tử thuộc ngành in.

d. Đầu tư trong các lĩnh vực bưu chính, viễn thông và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

e. Kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư chuyên ngành bưu chính viễn thông, điện, điện tử tin học, thiết bị ngành in;

f. Cho thuê văn phòng, kinh doanh đại lý khai thác các dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ du lịch; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá; vận tải hàng hoá;

g. Đầu tư trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, công nghiệp, nhà ở, cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, đô thị và các lĩnh vực đầu tư khác theo quy định của Pháp luật.

h. Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài phù hợp với các quy định của Pháp luật.

i. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng cơ sở, khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp.

j. Sản xuất cáp đồng, cáp quang, dây thuê bao (điện thoại, internet và các loại dây thuê bao khác), các thiết bị bưu chính, viễn thông.

k. Kinh doanh khách sạn nhà hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống (Không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar.

l. Kinh doanh bất động sản.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty;

2. Công ty có thể tiến hành những ngành nghề kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

CHƯƠNG IV: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5: Quyền hạn của Công ty

1. Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược kinh doanh của Công ty;
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
3. Tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm hay kinh doanh có điều kiện; mở rộng quy mô, lĩnh vực kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường;
4. Tổ chức lại, giải thể Công ty; thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc;
5. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục đích phát triển Công ty;
6. Được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
7. Công ty được mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam và Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nếu được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;
8. Tìm kiếm thị trường, chọn lựa khách hàng; trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;
9. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả chuyên gia nước ngoài khi cần thiết theo đúng quy định của pháp luật. Lựa chọn hình thức trả lương, phân phối thu nhập, quyết định mức lương cho người lao động theo quy định của pháp luật;
10. Quyết định giá mua, giá bán các loại vật tư, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định;
11. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ cho các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lãi;
12. Lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước. Được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật;
13. Được thanh lý, chuyển nhượng, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và nguyên tắc bảo toàn vốn;

14. Được quyền quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

15. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

16. Được hưởng các quyền khác do pháp luật quy định.

Điều 6: Nghĩa vụ của Công ty

1. Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

a. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước các khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện; đảm bảo chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;

c. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác;

d. Thực hiện các nghĩa vụ với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác, ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn;

e. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và công tác phòng chống cháy nổ;

f. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo;

g. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

h. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

a. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về hạch toán, kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty;

b. Tổ chức kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

c. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty;

d. Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản nộp ngân sách nhà nước và các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật;

f. Thực hiện đầy đủ các cam kết và chịu trách nhiệm vật chất đối với các khách hàng của Công ty.

CHƯƠNG V: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7: Vốn

1. Các loại vốn của Công ty

Vốn hoạt động của Công ty gồm có: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác.

2. Vốn Điều lệ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là**: 68.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 VND (mười nghìn đồng)/cổ phần**;

a. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:

	Tỷ lệ (%)	**Trị giá**
Vốn nhà nước (VNPT)	49	33.320.000.000 VND
Vốn của cổ đông khác	51	34.680.000.000 VND

b. Vốn Điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, những trường hợp góp vốn bằng hình thức khác sẽ được Hội đồng quản trị đánh giá và quy ra đồng Việt Nam. Vốn điều lệ được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam;

c. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

d. Vốn điều lệ sử dụng cho các mục đích:

- Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Công ty, cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;

- Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Mua cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, góp vốn liên doanh;
- Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.

e. Không dùng vốn điều lệ để chia cổ tức cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào;

f. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ (tăng hoặc giảm vốn điều lệ), điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

3. Vốn huy động: Các hình thức huy động vốn của Công ty gồm

a. Phát hành các loại chứng khoán khi có đủ điều kiện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b. Vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;

c. Các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

4. Vốn tích luỹ

Vốn tích luỹ của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, được sử dụng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

Điều 8: Cổ phần

1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ;

2. Cổ phần có thể được góp bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ cần thiết cho hoạt động của Công ty và phải được Hội đồng quản trị đánh giá lại theo đúng quy định của pháp luật, được tính thành tiền Việt Nam (VND) để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn.

Điều 9: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;

2. Nội dung cổ phiếu:

a. Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

d. Mệnh giá một cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

e. Tên và địa chỉ cổ đông (đối với cổ phiếu có ghi tên);

f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

3. Cổ phiếu được phát hành dưới 02 hình thức:

a. Cổ phiếu có ghi tên:

- Cổ phiếu có ghi tên là loại cổ phiếu ghi tên người sở hữu số cổ phiếu này;
- Cổ phiếu có ghi tên gồm cổ phiếu của cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước và cổ phiếu mua theo giá ưu đãi của người quản lý, công nhân viên;
- Việc chuyển nhượng cổ phiếu này phải tuân theo các quy định tại Điều 12 của bản Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

b. Cổ phiếu không ghi tên :

- Cổ phiếu không ghi tên là loại cổ phiếu không ghi tên người sở hữu số cổ phiếu này;
- Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng quy định chi tiết tại điểm a khoản 3 điều này;
- Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng thêm vốn điều lệ;
- Cổ phiếu có ghi tên đã được chuyển nhượng theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này;
- Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu không ghi tên phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới dạng văn bản và tập dữ liệu điện tử tại trụ sở chính của Công ty;

2. Nội dung của sổ đăng ký cổ đông:

a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán; loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ;

c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

Điều 11: Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức, giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:

a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh phát hành. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết.

2. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu cho các cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị rách, bị mờ, hư hỏng hay bị mất, thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải thông báo cho Công ty biết bằng văn bản một cách sớm nhất và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định;

3. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn chào bán. Số cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ phi các cổ đông chấp thuận.

Điều 12: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và luật pháp có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần có ghi tên nào chưa được thanh toán đầy đủ.

Điều 13: Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

2. Sau khi trình đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục quy định để người (những người) có quyền thừa kế hợp pháp được sở hữu các cổ

phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

3. Những người được nhận thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chỉ được thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được thừa kế chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 14: Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định dưới đây:

a. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông đã bán của Công ty;

b. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng ;

c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần phải được thông báo tới tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn cổ đông chào bán. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Cổ đông có yêu cầu mua lại cổ phần phải làm văn bản và gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này. Thời hạn mua lại trong 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu;

3. Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định và không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 nêu trên của bản Điều lệ này;

4. Điều kiện thanh toán, xử lý các cổ phần được mua lại

a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định này, các cổ đông đã được thanh toán phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường

hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty;

b. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại;

c. Tất cả các cổ phần được Công ty mua lại được coi là số cổ phần ngân quỹ của Công ty.

Điều 15: Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được luỹ kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty;

2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi;

3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi;

4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;

5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó tính đến thời điểm thu hồi hoặc giao nộp;

6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Điều 16: Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc điều hành.

Điều 17: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty

1. Công ty luôn có ít nhất 03 (ba) cổ đông trở lên. Các cổ đông tham gia góp vốn đều là đồng chủ sở hữu Công ty. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn cổ phần mà họ đã góp đủ;

2. Công ty được tổ chức quản trị và điều hành theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác trong bản Điều lệ này;

3. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty;

4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;

5. Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty;

6. Giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành hoạt động Công ty là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban Công ty;

7. Các đơn vị thành viên của Công ty bao gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện và công ty trực thuộc.

Điều 18: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức mình;

2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức, cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty nhưng không được quá mức qui định của pháp luật hiện hành. Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa;

2. Trường hợp một cổ đông là tổ chức thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp thì tổ chức mới được kế thừa quyền và nghĩa vụ của tổ chức này phải gửi Hội đồng quản trị Công ty các văn bản pháp lý về việc kế thừa;

3. Trường hợp một cổ đông là tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác, hoặc có thể đề nghị Công ty mua lại.

Điều 20: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức tương ứng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này ;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu hoặc có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;

e. Được cung cấp thông tin định kỳ hay đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty;

f. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông, người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

h. Khi Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Luật doanh nghiệp;

j. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

k. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp cấm chuyển nhượng quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:

a. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi xảy ra một trong các hiện tượng sau đây:

- Nhiệm kì của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng (06) tháng so với thời hạn quy định tại Điều lệ này mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 của bản Điều lệ này. Yêu cầu phải bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau: Tên,

trụ sở chính hoặc tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; các hành vi vi phạm và các nghĩa vụ cụ thể mà Hội đồng quản trị đã vi phạm, mức độ vi phạm hoặc các quyết định của Hội đồng quản trị đã vượt quá thẩm quyền; kiến nghị các vấn đề cần giải quyết. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 25 Điều lệ này;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% hoặc tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liện tục ít nhất 06 tháng có quyền:

Đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 20% được đề cử 1 ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị và 1 ứng viên để bầu vào Ban kiểm soát; Từ trên 20% đến dưới 40% được quyền đề cử 2 ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị và 1 ứng viên để bầu vào Ban kiểm soát; Từ 40% đến dưới 51% được đề cử 3 ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị và 2 ứng viên để bầu vào Ban kiểm soát; Từ 51% đến dưới 70% được đề cử 4 ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị và 3 ứng viên để bầu vào Ban kiểm soát; Từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị và ứng viên để bầu vào Ban kiểm soát.

Điều 21. Nghĩa vụ của các cổ đông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau :

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thanh toán đủ và đúng hạn vốn cổ phần đã cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty ;
3. Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
4. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty;

5. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp của mình ;

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của bản Điều lệ này ;

7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính ;

b. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 23 của bản Điều lệ này.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị nhận thấy vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và lợi ích của cổ đông thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;

- Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

- Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan), trong các trường hợp sau đây: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của

người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; (ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; và

- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- Khi có phát sinh các vấn đề khẩn cấp khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm a nêu trên. Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại đối với Công ty;

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Nếu Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại đối với Công ty;

d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm a của khoản này có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết

e. Tất cả các chi phí cần thiết và hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường sẽ do Công ty chi trả. Chi phí này sẽ không bao gồm các chi phí do các cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 23: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. Phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, mức cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty; Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo kiểm toán độc lập (nếu có);
3. Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
4. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thay đổi số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

5. Quyết định tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính mới; thông qua Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
6. Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ (nếu cần);
7. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ; việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
8. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
9. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
10. Thông qua định hướng phát triển của công ty, quyết định đầu tư, bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
11. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành;
12. Quyết định việc ký kết các hợp đồng, giao dịch theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Điều lệ.
13. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời kiêm Tổng giám đốc điều hành;
14. Biểu quyết tham gia niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán;
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông;
2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được uỷ quyền được một luật sư ký thay mặt cho người uỷ quyền thì thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư uỷ quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được uỷ quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định uỷ quyền sẽ

bị coi là không có hiệu lực. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

a. Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại;

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng;

6. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

7. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;

e. Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;

f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 25: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 của điều này thì triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết;

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành như quy định tại khoản 2 của Điều này thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp;

4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;

c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội.

5. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo phải được gửi ít nhất 7 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông và trên các phương tiện thông tin đại chúng;

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 6 của Điều này nếu:

a. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;

c. Kiến nghị không chứa đựng những thông tin cần thiết;

d. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy

định tại khoản 7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội và lập danh sách hiện diện (kèm theo số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện);

10. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa.

    Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị dự họp sẽ lựa chọn 01 thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trường hợp vắng mặt tất cả các thành viên Hội đồng quản trị thì Trưởng Ban kiểm soát làm chủ tọa. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát cũng vắng mặt thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu chủ toạ;

11. Chủ tọa thông qua Đại hội đồng cổ đông bầu ra thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của 02 kiểm phiếu viên và được chủ toạ đại hội ký xác nhận;

12. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 13 của điều này, phải được hoàn tất và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc 02 thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị;

13. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau, phải có các nội dung sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp, tên chủ tọa và thư ký;

d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

f. Tổng số phiếu có quyền biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

g. Các quyết định đã được thông qua;

h. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

14. Tất cả chi phí cần thiết, hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty thanh toán, các chi phí này sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chi để tham dự Đại hội đồng cổ đông như chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí liên quan khác.

Điều 26: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến của tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội bằng văn bản;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông phải công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín;

b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; quyết định đầu tư, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến vấn đề cần lấy ý kiến kèm theo Phiếu lấy ý kiến và gửi cho tất cả các cổ đông, trong đó quy định cụ thể ngày chậm nhất cổ đông phải trả lời bằng văn bản những vấn đề được hỏi ý kiến;

c. Các cổ đông phải ghi rõ đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến về những vấn đề được hỏi ý kiến, lý do và các kiến nghị của mình vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về trụ sở Công ty qua đường thư hay đường fax;

d. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tập hợp ý kiến của các cổ đông và lập biên bản để ra nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả với số cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;

b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28: Tổ chức Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có tối đa năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Thành viên Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành có thể chiếm tới một phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu là 05 năm.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên hội đồng quản trị được đại hồi đồng cổ đông bầu theo thể thức công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín với số tỷ lệ số phiếu đồng ý ít nhất là 65% cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách chức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 29: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty;

b. Có năng lực, kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh và phải có 5 năm thực tế quản lý trong lĩnh vực doanh nghiệp in, bưu chính, viễn thông;

c. Có sức khỏe, có đạo đức, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật.

d. Không vi phạm khoản 2 điều 13 của Luật doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những chức danh pháp luật cấm.

Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Quyết định chiến lược phát triển, phương án đầu tư của Công ty, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm;

b. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;

c. Quyết định thành lập, giải thể công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc Công ty; ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, thưởng, các lợi ích khác và hình thức kỷ luật đối với Tổng giám đốc Công ty;`

e. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; quyết định mức lương, thưởng và hình thức kỷ luật đối với những chức danh này theo đề nghị của Tổng giám đốc;

f. Cử một Phó Tổng giám đốc tạm thời đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc bị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc bị Hội đồng quản trị tạm đình chỉ quyền điều hành Công ty do vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

g. Xem xét và quyết định hình thức xử lý sai phạm của Tổng giám đốc gây thiệt hại cho Công ty và quyết định các biện pháp cần thiết để khắc phục;

h. Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái với pháp luật; vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

i. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần phổ thông được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

j. Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty;

k. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần phổ thông đã bán, quyết định giá mua lại cổ phần;

l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Quyết định đầu tư các dự án có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, thông qua phương án đầu tư do Tổng giám đốc đệ trình;

o. Quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo quy định tại Điều 39.1.b;

q. Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

r. Quyết định việc phát hành trái phiếu của Công ty: loại trái phiếu, tổng giá trị phát hành, thời điểm phát hành;

s. Thông qua việc định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam: ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ và các tài sản khác;

t. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

u. Trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Quyết định việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Xem xét và quyết định hình thức xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông;
- Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo quy định tại Điều 38.1.a .

- Quyết định mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

v. Thực hiện việc khởi kiện của Công ty đối với người quản lý Công ty cũng như quyết định việc đại diện Công ty trong quá trình tố tụng đối với những người quản lý này;

w. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

2. Hội đồng quản trị không được trực tiếp hay gián tiếp:

a. Cho bất kỳ cổ đông nào của Công ty vay tiền;

b. Bảo lãnh trên danh nghĩa Công ty hoặc cung cấp tài sản của Công ty cho cổ đông đem cầm cố, thế chấp để vay tiền;

c. Bảo lãnh trên danh nghĩa Công ty hoặc cung cấp tài sản của Công ty cho một Công ty khác đem cầm cố, thế chấp để vay tiền;

d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Công ty cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.

3. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ và tiền thưởng với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do tập thể Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc nhất trí trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty;

c. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện các công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo kế hoạch đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;

e. Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Uỷ quyền bằng văn bản, ghi rõ phạm vi và thời hạn uỷ quyền, cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp vắng mặt. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba;

g. Kê khai thông tin về các doanh nghiệp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị góp vốn hoặc mua cổ phần; doanh nghiệp mà những người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng hơn 35% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

h. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

b. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận ;

c. Thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;

d. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ được giao, không được uỷ quyền cho người khác;

e. Kê khai thông tin về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị góp vốn hoặc mua cổ phần; doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng hơn 35% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

f. Bầu một thành viên Hội đồng quản trị tạm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không thực hiện việc uỷ quyền;

g. Được quyền yêu cầu những người quản lý trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;

h. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn góp nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

i. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 32: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý 01 lần. Trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 05 tháng để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa;

2. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập phiên họp bất thường khi có đề nghị của một trong các đối tượng sau:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Tổng giám đốc điều hành hoặc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

c. Trưởng Ban kiểm soát;

d. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị .

Đề nghị của phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

3. Chủ tịch phải triệu tập Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;

4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được xem là hợp lệ khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành

viên dự họp chấp thuận. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

5. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản phải được thông qua và có đầy đủ chữ ký của chủ tọa, thư ký phiên họp và các thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

6. Hội đồng quản trị có thể họp, thông qua nghị quyết bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến và lập Phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến có ghi rõ thời hạn phải trả lời gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trả lời Phiếu lấy ý kiến và gửi về Công ty đúng thời hạn quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị tập hợp các ý kiến để lập biên bản và ra nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

7. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trước pháp luật, trước các cổ đông về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Điều 33: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Một thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Chết, hoặc bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

d. Thành viên đó không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Công ty quy định;

e. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;

f. Mất tư cách đại diện cho cổ đông là tổ chức;

g. Không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

h. Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thành viên đó không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị;

i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2 Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông là tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải gửi đơn xin từ chức đến Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải nhóm họp trong vòng 30 ngày để xem xét quyết định và bầu Chủ tịch mới trong trường hợp đơn xin từ chức của Chủ tịch đương nhiệm được chấp thuận;

c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị bãi miễn, thì trong vòng 20 ngày Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế;

d. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba tổng số thành viên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX : TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 34: Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị;

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

4. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty;

5. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động;

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu;

7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ này với ít nhất ba phần năm tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trong trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 35: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty là người phải có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hay kỹ thuật có liên quan, có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật;

2. Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ điều hành nào tại Công ty khác;

3. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

Điều 36: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty; quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị;

2. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức, bộ máy giúp việc và quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm;

4. Bảo toàn và phát triển vốn; tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty;

5. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

6. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);

7. Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty, trừ các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 30 bản Điều lệ này phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký;

8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;

9. Quyết định mức lương, phụ cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

10. Tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với những người quản lý thuộc quyền và người lao động trong Công ty;

11. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

12. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

13. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những trường hợp quy định tại điểm v khoản 1 Điều 30 bản Điều lệ này;

14. Kê khai thông tin về các doanh nghiệp mà Tổng giám đốc góp vốn hoặc mua cổ phần; doanh nghiệp mà những người có liên quan của Tổng giám đốc cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng hơn 35% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

15. Có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;

16. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

17. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký kết với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty;

18. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Điều 37: Uỷ quyền, uỷ nhiệm

1. Tổng giám đốc có thể ủy quyền, uỷ nhiệm cho người quản lý cấp dưới của mình thay mặt giải quyết toàn bộ hoặc một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, uỷ nhiệm của mình;

2. Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể ủy quyền, uỷ nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình;

3. Mọi sự ủy quyền, uỷ nhiệm đều phải thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung, phạm vi và thời hạn uỷ quyền, uỷ nhiệm;

4. Người được uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm trước người uỷ quyền và trước pháp luật về thực hiện công việc được uỷ quyền.

Điều 38: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm

2. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Chết, hoặc bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b. Có đơn xin từ chức;

c. Để Công ty bị lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hai năm liên tiếp;

d. Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 05 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng giám đốc thực hiện chức năng quyền hạn của mình;

e. Không còn hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Điều lệ này;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Tổng giám đốc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải chỉ định một Phó Tổng giám đốc tạm thời thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 39: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% số cổ phần có quyền biểu quyết và những người có liên quan của họ, hoặc doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết theo quy định sau:

a. Đối với các hợp đồng, giao dịch trị giá bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

b. Đối với các hợp đồng, giao dịch trị giá nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước

khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết.

2. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 1 nêu trên được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 40: Người quản lý

1. Người quản lý Công ty có nghĩa vụ:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty;

b. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được đem tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

- Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
- Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
- Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và điểm b khoản này;
- Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

d. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và bản Điều lệ này quy định.

2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sẽ do Tổng giám đốc kiến nghị Hội đồng quản trị phê duyệt và quyết định;

3. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người quản lý khác do Tổng giám đốc quyết định.

CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT

Điều 41: Tổ chức , tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có tối đa ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

3. Trưởng Ban kiểm soát do các thành viên Ban kiểm soát bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết;

4. Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để hoàn thành các công việc còn tồn đọng. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát :

a. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất là một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm soát các báo cáo tài chính của Công ty.

b. Thành viên Ban kiểm soát phải đủ các tiêu chuẩn và điều kiện không trái với Luật Doanh nghiệp.

Điều 42: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b. Không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong 06 tháng trở lên mà không được phép của Ban kiểm soát, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;

d. Mất tư cách đại diện cho cổ đông là tổ chức;

e. Không còn đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ và của pháp luật.

3. Bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

a. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà các thành viên

Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính - kế toán hoặc 2/3 thành viên Ban kiểm soát trở lên bị khuyết thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 60 ngày để bầu bổ sung;

b. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì trong vòng 30 ngày, Ban kiểm soát phải họp để bầu Trưởng ban kiểm soát mới.

Điều 43: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Ban kiểm soát

1. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

a. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;

c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty; báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị; Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d. Xem xét sổ kế toán, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông này. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

e. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

f. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h. Được quyền yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty;

i. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;

j. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

k. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

l. Không được tiết lộ bí mật Công ty, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty;

m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

2. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản a, b, c nêu trên mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản c này đều thuộc sở hữu của Công ty.

Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Quyền lợi của Ban kiểm soát

a. Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, mức thù lao cho từng thành viên Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát;

b. Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông;

c. Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 44: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật;
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát;
3. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;
4. Được quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI: NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 45: Quyền lợi của người lao động trong Công ty

1. Người lao động trong Công ty được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và của Công ty;
2. Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện của Công ty để xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua về các cơ chế liên quan đến tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và những người lao động trong Công ty.

CHƯƠNG XII: HOẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 46: Hạch toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó;
2. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán hiện hành và lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt Nam.

Điều 47: Báo cáo tài chính

1. Kết thúc năm tài chính, Công ty lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này;

2. Báo cáo tài chính năm bao gồm:

a. Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12;

b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

d. Thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải hoàn thành báo cáo tài chính chậm nhất là ngày 10/02 năm kế tiếp năm báo cáo và thực hiện kiểm toán trong 20 ngày tiếp theo. Báo cáo tài chính đã kiểm toán được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày hoàn thành để xem xét, thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

4. Sau Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng với Báo cáo của Ban kiểm soát, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty theo quy định của pháp luật để các cổ đông có thể xem xét khi cần thiết;

5. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Nếu Công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo quý, sáu tháng của Công ty phải được đưa lên trang Web.

Điều 48: Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh;

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính;

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 49: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;

2. Công ty trích lập các quỹ sau:

a. Trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế:

- Quỹ dự phòng tài chính: mức trích hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

b. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập và hạch toán vào giá thành hoặc phí lưu thông theo quy định của pháp luật.

3. Mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế và mức chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị kiến nghị hàng năm và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị có thể quyết định mức chi trả cổ tức tạm thời.

Điều 50: Cổ tức

1. Công ty được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
2. Cổ tức có thể được trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc bằng cổ phiếu phổ thông nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
3. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan đến một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản Ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Chi phí chuyển khoản (nếu có) sẽ được tính trừ vào cổ tức của cổ đông thụ hưởng;
4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, tỷ lệ cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm, địa điểm và phương thức trả cổ tức;
5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 51: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ;
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG XIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d. Bị Toà án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp;

e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Thủ tục giải thể hay phá sản Công ty được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 53: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể chiểu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 54: Thanh lý

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Ban thanh lý gồm 05 thành viên để làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn từ trong Công ty hoặc thuê chuyên gia (nếu cần);
2. Bản thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Tiền thu được từ thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;

c. Thuế và các khoản chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải nộp;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản từ điểm a đến điểm e nêu trên được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Điều 55: Tố tụng, tranh chấp

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi tổ chức và cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp;

2. Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do sai phạm cố ý của bất kỳ cá nhân nào trong Công ty gây ra. Trong thời hạn 60 ngày, nếu Hội đồng quản trị không giải quyết khiếu nại hoặc quyết định hoà giải không được các bên chấp thuận thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG XIV: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 56: Con dấu

Con dấu chính thức của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của pháp luật và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi sử dụng;

1. Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 57: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 75% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hay qua đại diện;

2. Các nội dung khác không quy định trong bản Điều lệ này được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành;

3. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 58: Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XIV chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần dịch vụ viễn thông và In Bưu Điện thống nhất thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2009 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ;
2. Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, trong đó:

- Một bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước thành phố Hà Nội;
- Năm bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân TP.Hà Nội;
- Bốn bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.

3. Bản Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 51% thành viên Hội đồng quản trị;
5. Bản Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được đăng ký với Phòng Đăng ký kinh doanh có thẩm quyền sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
6. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

CHỦ TỊCH HĐQT

(Đã ký)

Huỳnh Quang Vinh

ĐIỀU LỆ NÀY ĐƯỢC SỬA ĐỔI SAU KHI LÀM LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH

DO THAY ĐỔI TỶ LỆ VỐN GÓP CỦA VNPT

Ngày 14 tháng 7 năm 2009